

**ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA VIỆT NAM HÒA HỢP VỚI CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

ORIENTATION OF THE DEVELOPMENT OF VIETNAM FINANCIAL REPORTING STANDARDS FOR SMALL AND MEDIUM - SIZED ENTITIES COMPATIBLE WITH THE INTERNATIONAL FINANCIAL REPORTING STANDARDS FOR SMALL AND MEDIUM SIZED ENTITIES

**Nguyễn Xuân Hưng**

Trường Đại học Kinh tế TP HCM - Email: [hung\\_nguyenxuan2003@yahoo.com](mailto:hung_nguyenxuan2003@yahoo.com)

**Hồ Xuân Thủy**

Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM

---

(Bài nhận ngày 13 tháng 04 năm 2015, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 02 tháng 06 năm 2015)

**TÓM TẮT**

Hệ thống báo cáo tài chính khác nhau cho doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ và vừa (Small and medium sized entities - SMEs) luôn là vấn đề gây nhiều tranh luận trong nhiều thập kỷ qua, đặc biệt là sau khi Hội đồng Chuẩn mực kế toán quốc tế (International Accounting Standards Board - IASB) ban hành chuẩn mực báo cáo tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (International financial reporting standards for small and medium sized entities - IFRS for SMEs). Nghiên cứu của Bohusova & Blaskova [3] cho rằng đối với các quốc gia đang phát triển có chất lượng báo cáo tài chính thấp, thường có xu hướng thích áp dụng IFRS for SMEs vì cần hội nhập kinh tế quốc tế và có nhu cầu mạnh mẽ trong việc xây dựng chuẩn mực báo cáo tài chính có chất lượng cao. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế này. Vì thế, các nghiên cứu về IFRS for SMEs là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Bài viết trình bày tóm tắt khái niệm về SMEs, đặc điểm của IFRS for SMEs, so sánh một số điểm khác biệt giữa IFRS for SMEs với chuẩn mực kế toán Việt Nam (Vietnamese accounting standards - VAS) áp dụng cho SMEs, đồng thời tổng hợp quan điểm xây dựng chuẩn mực báo cáo tài chính cho SMEs trên Thế giới. Trên cơ sở đó, đề xuất những định hướng xây dựng chuẩn mực báo cáo tài chính áp dụng phù hợp với SMEs Việt Nam để đáp ứng xu thế hội tụ kế toán quốc tế.

**Từ khóa:** báo cáo tài chính, doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs), chuẩn mực báo cáo tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (IFRS for SMEs).

**ABSTRACT**

Differences in financial reporting systems for small and medium sized entities (SMEs) and large ones have caused plenty of controversies in the last few decades, especially after the introduction of the International Financial Reporting Standards for Small and Medium sized Entities (IFRS for SMEs) by International Accounting Standards Board (IASB). Bohusova & Blaskova [3] suggested that there existed a preference in many developing countries where the quality of financial reporting was normally considered sub-average for applying the IFRS for SMEs due to strong demand in international economic integration and higher quality financial reporting standards, to which Vietnam is also no exception. Therefore, further research of the IFRS for SMEs in Vietnam is highly desired. This paper shall present a review of concepts of SMEs and the IFRS for SMEs, followed by a comparison of some notable differences between the IFRS for SMEs and the current Vietnamese Accounting Standards (VAS) for SMEs. A summary of many worldwide, mainstream thoughts of the development of financial

*reporting standards for SMEs is also included. On that basis, prospective proposals for the development orientation of financial reporting standards for SMEs in Vietnam are suggested in order to help Vietnamese SMEs to meet the universal trend of convergence of international accounting.*

**Keywords:** *Financial reporting, Small and medium sized entities, International financial reporting standards for small and medium sized entities.*

---

## 1. GIỚI THIỆU

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) là thành phần kinh tế có nhiều tiềm năng và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của các quốc gia. Theo Ecorys [5], Châu Âu có khoảng 20,7 triệu SMEs, chiếm 98% tổng số các doanh nghiệp và sử dụng khoảng 67% tổng số lao động. Đối với các quốc gia Asean, SMEs là xương sống cho sự phát triển kinh tế bền vững của Asean, hơn 96% tổng số doanh nghiệp là SMEs, chiếm 50 -85% số việc làm trong nước, đóng góp từ 30 -53% GDP [1].

Xuất phát từ tầm quan trọng và sự tham gia vào hoạt động quốc tế của SMEs ngày càng mạnh mẽ, IASB đã ban hành IFRS for SMEs để cung cấp một bộ chuẩn mực có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu cần có chuẩn mực kế toán riêng thích hợp cho SMEs trong môi trường kinh doanh quốc tế, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SMEs phát triển. Theo Pacter [14], từ khi ban hành đến năm 2011, 74 quốc gia đã tiếp nhận và đang xây dựng lộ trình áp dụng trong 3 năm tiếp theo. SMEs Việt Nam ngày càng tăng cường tham gia vào các hoạt động quốc tế, yêu cầu thông tin tài chính minh bạch trở nên bức thiết. Vì thế, cũng như các quốc gia khác, Việt Nam cũng đang có những áp lực về hội tụ kế toán quốc tế. Do đó, việc nghiên cứu về IFRS for SMEs nhằm định hướng xây dựng chuẩn mực báo cáo tài chính riêng cho SMEs Việt Nam là vấn đề cần thiết. Bài viết này thực hiện khái quát một bức tranh toàn cảnh về SMEs, đặc điểm của IFRS for SMEs, quan điểm xây dựng chuẩn mực báo cáo tài chính cho SMEs trên Thế giới để có cơ sở nền tảng trong việc định hướng phát triển cho Việt Nam.

## 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (SMES) VÀ CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (IFRS FOR SMES)

### 2.1. Khái niệm doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs)

Cho đến nay, chưa có một khái niệm nào về SMEs được sử dụng thống nhất. Thông thường, mỗi quốc gia xác định tiêu chí phân loại SMEs dựa trên đặc điểm kinh tế và các giai đoạn phát triển kỹ thuật công nghệ để có các chính sách hỗ trợ cho mục tiêu phát triển của doanh nghiệp trong từng quốc gia [12]. Đặc điểm kinh tế, xã hội của từng quốc gia khác nhau, vì thế các tiêu chuẩn xác định SMEs do từng quốc gia xây dựng cũng khác nhau. Tuy nhiên, việc phân loại SMEs chủ yếu căn cứ vào hai tiêu chí định tính (sự chia tách quyền quản lý và điều hành, phạm vi hoạt động...) và định lượng (số lượng lao động, tổng tài sản, doanh thu...).

Hội đồng IASB cũng dựa vào tiêu chuẩn định tính để xác định SMEs đủ điều kiện áp dụng IFRS for SMEs. IASB cho rằng SMEs là các công ty không có trách nhiệm giải trình công khai và phát hành báo cáo tài chính trên cơ sở chung cho đối tượng bên ngoài doanh nghiệp. Một công ty được xem là công ty có trách nhiệm giải trình công khai nếu đáp ứng một trong hai điều kiện [8]:

- Nợ và vốn của công ty được giao dịch hoặc đang trong quá trình sắp được giao dịch trên thị trường chứng khoán.
- Công ty nắm giữ tài sản theo ủy thác của một nhóm các đối tượng bên ngoài như là những hoạt động kinh doanh chính của công ty.

Theo định nghĩa trên, những tổ chức có trách nhiệm giải trình công khai là những tổ chức chịu sự chi phối của thị trường tài chính và những tổ chức có một phần tài sản sở hữu bởi những cổ đông bên ngoài. Vì thế, SMEs thuộc phạm vi áp dụng IFRS for SMEs không phải là tổ chức kinh doanh dịch vụ tài chính (ngân hàng, bảo hiểm, tổ chức tín dụng) hoặc các công ty có cổ phiếu niêm yết. Mặc dù không phải là công ty cổ phần niêm yết nhưng SMEs phải phát hành báo cáo tài chính cho các đối tượng sử dụng thông tin bên ngoài như nhà đầu tư, chủ nợ, nhà cung cấp...

Như vậy, theo quan điểm của IASB, SMEs thuộc phạm vi áp dụng chuẩn mực là những công ty chưa niêm yết. “Các quốc gia quyết định áp dụng IFRS for SMEs sẽ tự xây dựng tiêu chuẩn định lượng”, đó là ý kiến của Pacter, người chịu trách nhiệm chính về IFRS for SMEs [13]. Mặc dù, IASB không đưa ra tiêu chuẩn định lượng để phân loại SMEs nhưng IASB đã xây dựng IFRS for SMEs dựa trên các giao dịch thường gặp của doanh nghiệp có khoảng 50 lao động [7] và khẳng định IFRS for SMEs phù hợp với tất cả SMEs. Do đó, qua khái niệm về SMEs của IASB, có thể rút ra một số đặc điểm của SMEs chi phối đến việc ban hành các quy định về kế toán cho SMEs, đó là:

- Yêu cầu công bố thông tin của SMEs không nghiêm ngặt như các công ty cổ phần niêm yết vì đối tượng sử dụng thông tin chủ yếu của SMEs là chủ sở hữu và chủ nợ, không phải là các cổ đông trên thị trường vốn.
- SMEs có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đơn giản hơn các công ty niêm yết lớn do SMEs có nguồn lực bị giới hạn, thị trường hoạt động không rộng lớn. Vì thế, các chính sách kế toán áp dụng cho SMEs cũng đơn giản hơn.

Chính vì thế, mỗi quốc gia khi áp dụng IFRS for SMEs phải tự xây dựng tiêu chuẩn định lượng cụ thể phù hợp cho quốc gia mình.

Những tiêu chí này phải đảm bảo SMEs có báo cáo tài chính chất lượng, đáp ứng yêu cầu của đối tượng sử dụng thông tin nhưng cũng không đặt một gánh nặng trong việc chuẩn bị báo cáo tài chính cho SMEs, tức đảm bảo cân đối về chi phí và lợi ích khi tuân thủ chuẩn mực.

## 2.2. Chuẩn mực báo cáo tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (IFRS for SMEs)

### Quá trình nghiên cứu và xây dựng IFRS for SMEs

Trong năm 2001, nhằm đáp ứng nhu cầu các đối tượng sử dụng thông tin của SMEs và với mục đích giảm những rào cản cho SMEs trong việc tuân thủ IFRS khi trình bày báo cáo tài chính, IASB đã thực hiện dự án xây dựng chuẩn mực báo cáo tài chính cho SMEs [3].

Tháng 6/2004, IASB đã ban hành tài liệu thảo luận về chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế cho SMEs với tên gọi là “Quan điểm sơ bộ ban đầu về chuẩn mực kế toán cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa” [6]. IASB đã nhận được hơn 100 ý kiến đóng góp [10]. Những ý kiến chủ yếu là IFRS không thích hợp với SMEs và đa số các ý kiến đều tán thành IASB nên xây dựng chuẩn mực riêng cho SMEs. Chuẩn mực này nên xây dựng trên cơ sở của IFRS nhưng giới hạn yêu cầu công bố cũng như sử dụng các nguyên tắc ghi nhận và đo lường đơn giản hơn.

Tháng 4/2005, IASB đã ban hành bảng câu hỏi để lấy ý kiến khảo sát về hai vấn đề: một là nguyên tắc ghi nhận và đo lường, hai là nội dung nào của IFRS nên loại trừ cho SMEs. Sau đó, tháng 2/2007, IASB ban hành bản dự thảo IFRS for SMEs. Cùng với bản dự thảo này, hai tài liệu khác cũng được IASB ban hành là “Cơ sở để kết luận về dự thảo IFRS for SMEs” và “Dự thảo hướng dẫn áp dụng IFRS for SMEs. Bản dự thảo IFRS for SMEs được xây dựng dựa trên các sự kiện xảy ra thường xuyên ở SMEs có khoảng 50 lao động [11]. Đến cuối năm 2007, IASB đã nhận được 161 thư phản

hội đồng góp ý kiến về bản dự thảo từ các nhà nghiên cứu và các tổ chức nghề nghiệp. Đồng thời, IASB cũng thực hiện nhiều thử nghiệm với 116 SMEs ở 20 quốc gia khác nhau để xác định các khó khăn của SMEs khi áp dụng bản dự thảo IFRS for SMEs [9].

Dựa trên các ý kiến phản hồi và kết quả từ chương trình thử nghiệm, IASB đã tiến hành sửa đổi bản dự thảo từ tháng 9 đến cuối năm 2008 và đến tháng 7/2009, IASB chính thức ban hành IFRS for SMEs.

#### **Khái quát một số đặc điểm của IFRS for SMEs**

IFRS for SMEs là bộ chuẩn mực độc lập được xây dựng dựa trên “Khuôn mẫu lý thuyết cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính” (Framework for the Preparation and Presentation of Financial Statements) của IFRS, dài 230 trang, trình bày thành 35 phần cho từng chuẩn mực. IFRS for SMEs đơn giản hơn IFRS về cả yêu cầu công bố, đo lường và phương pháp ghi nhận, đồng thời chú ý đến sự cân đối giữa chi phí và lợi ích khi áp dụng cho SMEs. Vì vậy, IFRS for SMEs giảm về cả nội dung và mức độ phức tạp so với IFRS. Cụ thể:

- Các nội dung không phù hợp với SMEs bị loại bỏ như thu nhập trên cổ phiếu, báo cáo bộ phận, báo cáo giữa niên độ, hợp đồng bảo hiểm, tài sản nắm giữ cho việc bán.
- Giảm bớt các lựa chọn theo IFRS, chỉ sử dụng lựa chọn đơn giản nhất, cụ thể bỏ các lựa chọn phức tạp như đánh giá lại bất động sản, nhà xưởng và máy móc thiết bị, đánh giá lại tài sản cố định vô hình; hoặc cho phép có nhiều lựa chọn trong việc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh.
- Một số các nguyên tắc, phương pháp liên quan đến việc ghi nhận, đánh giá tài sản, nợ phải trả, thu nhập, chi phí cũng như các chính sách kế toán đơn giản hơn quy định của IFRS. Điển hình như:

Lợi thế thương mại được cho phép phân bổ tối đa trong 10 năm nếu thời gian sử dụng hữu ích không xác định một cách đáng tin cậy (khác với IAS 36, IFRS 3, lợi thế thương mại không được phân bổ và phải được soát xét hàng năm về việc suy giảm giá trị).

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí (ngược lại với quy định của IAS 23, cho phép vốn hóa chi phí đi vay).

Chi phí nghiên cứu và phát triển cũng được ghi nhận là chi phí (khác với quy định của IAS 38 cho phép vốn hóa chi phí nghiên cứu và phát triển trong một số trường hợp thỏa yêu cầu).

- Các yêu cầu trình bày thông tin cũng đơn giản hơn.

Với sự đơn giản về chính sách kế toán và yêu cầu công bố, nhiều ý kiến phản hồi từ các quốc gia cho rằng IFRS for SMEs thật sự đáp ứng yêu cầu của SMEs trong việc cung cấp thông tin báo cáo tài chính có chất lượng, đồng thời cũng giảm gánh nặng cho SMEs khi phải tuân thủ IFRS với những quy định quá phức tạp. Các ý kiến cũng đánh giá việc áp dụng sẽ mang lại nhiều lợi ích cho SMEs, SMEs có thể thu hút tài chính từ bên ngoài, dễ dàng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất, tăng tính so sánh của báo cáo tài chính, đặc biệt là IFRS for SMEs dễ thực hiện hơn IFRS và SMEs có thể áp dụng IFRS for SMEs như là một bước đi hướng tới niêm yết công khai [3].

#### **Quan điểm xây dựng chuẩn mực báo cáo tài chính cho SMEs và xu hướng lựa chọn áp dụng IFRS for SMEs trên thế giới**

Theo Cordery & Baskerville [4], có hai cách thức áp dụng hệ thống báo cáo tài chính khác nhau trong việc xây dựng chuẩn mực báo cáo tài chính cho SMEs phổ biến là:

Không xây dựng riêng chuẩn mực báo cáo tài chính cho SMEs mà chỉ có một bộ chuẩn mực chung sử dụng chung cho tất cả các loại hình doanh nghiệp. Trên cơ sở bộ chuẩn mực này, quy định những điểm giảm trừ riêng cho SMEs về chuẩn mực áp dụng, chính sách kế toán và yêu cầu công bố (Úc, New Zealand, Canada...)

Xây dựng một bộ chuẩn mực báo cáo tài chính riêng cho SMEs. Quan điểm này đang được nhiều quốc gia áp dụng (Anh, Malaysia, Hồng Kông...). IASB cũng xây dựng IFRS for SMEs trên quan điểm này sau khi lấy ý kiến khảo sát của các Tổ chức nghề nghiệp, các nhà nghiên cứu, các doanh nghiệp... trên khắp Thế giới

Sau khi IFRS for SMEs ban hành, nhiều quốc gia đã chấp nhận và thực thi hoặc có kế hoạch áp dụng trong tương lai và đa số các quốc gia này là các quốc gia đang phát triển [15]. Tuy nhiên, quan điểm lựa chọn áp dụng IFRS for SMEs cũng khác biệt nhau giữa các quốc gia, có thể tập trung thành 3 hướng:

Thay thế hoàn toàn chuẩn mực kế toán quốc gia bằng IFRS for SMEs (Nam Phi, Singapore, Philippines, Brazil...).

Chỉnh sửa, bổ sung IFRS for SMEs cho phù hợp với hoàn cảnh của quốc gia (Hồng Kông).

Tự xây dựng chuẩn mực kế toán quốc gia áp dụng cho SMEs (Mỹ, Đức, Thụy Sĩ).

Có thể sử dụng kết luận từ khảo sát của [3] để tổng kết cho các xu hướng lựa chọn áp dụng IFRS for SMEs. Đó là:

Các quốc gia phát triển có nền kinh tế phát triển, tổ chức nghề nghiệp có kinh nghiệm và chuyên nghiệp, trình độ kế toán cao... hầu như không áp dụng IFRS for SMEs, SMEs của các quốc gia này vẫn thích áp dụng chuẩn mực kế toán quốc gia hơn.

Các nước đang phát triển không có chất lượng báo cáo tài chính cao nên rất ủng hộ việc áp dụng IFRS for SMEs vì những lợi ích do chuẩn mực mang lại, giúp các quốc gia này có báo cáo tài chính chất lượng, minh bạch, cải thiện khả năng so sánh. Báo cáo tài chính minh bạch là cơ hội cho SMEs ở các quốc gia này có thể tăng cơ hội vay vốn, tiếp cận thị trường nước ngoài và thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

### 3. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN HIỆN HÀNH ÁP DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (SMES) VIỆT NAM

Cho đến nay, Bộ Tài chính đã ban hành 26 chuẩn mực kế toán và nhiều thông tư hướng dẫn để từng bước đưa kế toán Việt Nam hòa nhập với kế toán của các nước trên Thế giới. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng ban hành Quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/09/2006 về chế độ kế toán áp dụng cho SMEs [2]. Trong 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được ban hành, việc áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam cho SMEs cũng được quy định thành 3 nhóm, nhóm các chuẩn mực kế toán áp dụng đầy đủ, nhóm các chuẩn mực kế toán áp dụng không đầy đủ và nhóm các chuẩn mực kế toán không áp dụng.

So với IFRS for SMEs, chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) áp dụng cho SMEs có một số khác biệt. Đó là, một số chuẩn mực theo quy định của IFRS for SMEs nhưng Việt Nam chưa có; khác biệt về các nội dung VAS có quy định nhưng không áp dụng hoặc áp dụng không đầy đủ cho SMEs và một số khác biệt về các chính sách kế toán áp dụng như IFRS for SMEs không yêu cầu vốn hóa chi phí đi vay, không cho phép áp dụng phương pháp tính giá LIFO đối với hàng tồn kho, yêu cầu ghi nhận giá trị hợp lý đối với bất động sản đầu tư... (xem bảng 1).

Như vậy, sự khác biệt giữa hai bộ chuẩn mực hầu như không quá nhiều. Mặt khác, trong giai đoạn đầu khi bộ chuẩn mực cho doanh nghiệp có quy mô lớn còn đang hoàn thiện, cập

nhật thì việc áp dụng chung một bộ chuẩn mực cho tất cả các doanh nghiệp bất kể quy mô, tình trạng niêm yết, đồng thời quy định một số giảm trừ riêng cho SMEs là hợp lý.

**Bảng 1. Khác biệt giữa IFRS for SMEs và VAS áp dụng cho SMEs về số lượng chuẩn mực**

| STT                                                                                                         | IFRS FOR SMES                                             | VAS ÁP DỤNG CHO SMES                                                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <i>Các chuẩn mực Việt Nam chưa ban hành</i>                                                                 |                                                           |                                                                                                                                        |
| Phần 1 (Section 1)                                                                                          | Doanh nghiệp nhỏ và vừa                                   | Chưa có                                                                                                                                |
| Phần 11                                                                                                     | Công cụ tài chính cơ bản                                  | Chưa có                                                                                                                                |
| Phần 12                                                                                                     | Công cụ tài chính khác                                    | Chưa có                                                                                                                                |
| Phần 24                                                                                                     | Tài trợ của Chính phủ                                     | Chưa có                                                                                                                                |
| Phần 27                                                                                                     | Giảm giá trị tài sản                                      | Chưa có                                                                                                                                |
| Phần 28                                                                                                     | Lợi ích của nhân viên                                     | Chưa có                                                                                                                                |
| Phần 31                                                                                                     | Siêu lạm phát                                             | Chưa có                                                                                                                                |
| Phần 34                                                                                                     | Các hoạt động đặc thù                                     | Chưa có                                                                                                                                |
| Phần 26                                                                                                     | Thanh toán trên cơ sở cổ phiếu                            | Chưa có                                                                                                                                |
| <i>Các chuẩn mực Việt Nam đã ban hành tương đương với IFRS for SMEs nhưng không áp dụng cho SMEs</i>        |                                                           |                                                                                                                                        |
| Phần 9                                                                                                      | Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất     | VAS 25                                                                                                                                 |
| Phần 19                                                                                                     | Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại                 | VAS 11                                                                                                                                 |
| <i>Các chuẩn mực Việt Nam đã ban hành tương đương với IFRS for SMEs nhưng áp dụng không đầy đủ cho SMEs</i> |                                                           |                                                                                                                                        |
| Phần 3, 4, 5, 6, 7, 8                                                                                       | Các chuẩn mực liên quan đến báo cáo tài chính             | VAS 21, VAS 07                                                                                                                         |
| Phần 10                                                                                                     | Chính sách kế toán, ước tính và sai sót                   | VAS 29 - không áp dụng hồi tố với thay đổi chính sách kế toán                                                                          |
| Phần 13                                                                                                     | Hàng tồn kho                                              | VAS 02<br>IFRS for SMEs không cho phép áp dụng phương pháp LIFO khi tính giá hàng tồn kho                                              |
| Phần 14, 15                                                                                                 | Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | VAS 07, 08 - không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu                                                                                  |
| Phần 17, 18                                                                                                 | TSCĐ hữu hình, VH                                         | VAS 03, 04 - không áp dụng thời gian khấu hao và phương pháp khấu hao                                                                  |
| Phần 20                                                                                                     | Thuê tài sản                                              | VAS 06 - không áp dụng bán và thuê lại tài sản là thuê hoạt động                                                                       |
| Phần 23                                                                                                     | Doanh thu                                                 | VAS 15 - không áp dụng ghi nhận doanh thu và chi phí hợp đồng xây dựng trong trường hợp nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch |
| Phần 29                                                                                                     | Thuế thu nhập doanh nghiệp                                | VAS 17 - không áp dụng quy định thuế thu nhập hoãn lại                                                                                 |
| Phần 30                                                                                                     | Thay đổi tỷ giá hối đoái                                  | VAS 10 - không áp dụng quy định chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài                     |
| <i>Các chuẩn mực Việt Nam đã ban hành tương đương với IFRS for SMEs áp dụng đầy đủ cho SMEs</i>             |                                                           |                                                                                                                                        |

|                   |                                                              |                                                                                        |
|-------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| Phần 2<br>Phần 22 | Các nguyên tắc và khái niệm<br>Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu | VAS 01 - Chuẩn mực chung                                                               |
| Phần 16           | Bất động sản đầu tư                                          | VAS 05<br>IFRS for SMEs yêu cầu ghi nhận giá trị hợp lý<br>đối với bất động sản đầu tư |
| Phần 21           | Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng                           | VAS 18                                                                                 |
| Phần 25           | Chi phí đi vay                                               | VAS 16<br>IFRS for SMEs không yêu cầu vốn hóa chi phí<br>đi vay nếu thỏa mãn điều kiện |
| Phần 32           | Các sự kiện phát sinh sau ngày kết<br>thúc kỳ kế toán năm    | VAS 23                                                                                 |
| Phần 33           | Thông tin về các bên liên quan                               | VAS 26                                                                                 |

*Nguồn: Tác giả tự tổng hợp*

Tuy nhiên, cách áp dụng này cũng bộc lộ những hạn chế nhất định. Cụ thể là đối tượng sử dụng thông tin của doanh nghiệp có quy mô lớn và SMEs khác nhau nên có thể dẫn đến thông tin dàn trải, không tập trung vào yêu cầu của từng nhóm đối tượng sử dụng thông tin. Ngoài ra, việc quy định lược bỏ một số chuẩn mực hay một số chính sách kế toán khi áp dụng chung bộ chuẩn mực sẽ làm giảm tính hệ thống và nhất quán của chuẩn mực kế toán [11]. Hơn nữa, mặc dù VAS được xây dựng trên cơ sở của IAS/IFRS nhưng đã không được cập nhật, sửa đổi trong một thời gian dài nên lạc hậu, không thể đảm bảo cung cấp thông tin có thể so sánh với các doanh nghiệp khác trên Thế giới, dẫn đến SMEs khó thu hút đầu tư, khó tham gia trong quá trình hội nhập với Thế giới. Do vậy, trong xu thế hội nhập quốc tế, SMEs đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển và hội nhập, việc nghiên cứu xây dựng riêng chuẩn mực cho SMEs trên cơ sở vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế là một hướng đi hợp lý đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin có chất lượng và hội tụ quốc tế của SMEs.

#### **4. ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (SMEs) VIỆT NAM**

“Chiến lược kế toán - kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định

480/2013/QĐ - TTg đã xác định quan điểm là “hoàn thiện khuôn khổ pháp lý hệ thống chuẩn mực”, “hòa nhập với thông lệ quốc tế” [15]. Vì thế, cũng như các quốc gia khác, Việt Nam cũng đang có những áp lực về hài hòa, hội tụ kế toán quốc tế. Như đã phân tích, việc xây dựng chuẩn mực báo cáo tài chính riêng cho SMEs trên cơ sở vận dụng IFRS for SMEs là cần thiết và đúng đắn trong điều kiện của Việt Nam hiện nay. Việc nghiên cứu, xây dựng bộ chuẩn mực này, Nhà nước, đặc biệt là các cơ quan, tổ chức liên quan đến việc hoạch định và ban hành chuẩn mực, các văn bản pháp quy về kế toán có thể thực hiện theo các định hướng cơ bản sau:

*Thứ nhất*, cần tìm hiểu về đối tượng sử dụng thông tin, nhu cầu của đối tượng sử dụng thông tin, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của SMEs... để xác định các tiêu chí phân loại SMEs phù hợp áp dụng chuẩn mực.

*Thứ hai*, với đặc điểm riêng về đối tượng sử dụng thông tin, nhu cầu thông tin và khả năng cung cấp thông tin của SMEs, chuẩn mực báo cáo tài chính phù hợp cho SMEs phải có các quy định đơn giản về chính sách kế toán, yêu cầu công bố nhưng đảm bảo cung cấp thông tin có chất lượng và cân đối giữa chi phí và lợi ích. Dựa vào mục tiêu đó, thực hiện rà soát các quy định của IFRS for SMEs nhằm xác định các quy định nào phù hợp với điều kiện kinh tế xã

hội, môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh, nội lực của SMEs Việt Nam để tiến hành ban hành thêm các chuẩn mực cần thiết cho SMEs, sửa đổi, điều chỉnh chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành áp dụng cho SMEs gần với IFRS for SMEs, nhưng phù hợp với điều kiện Việt Nam.

*Thứ ba*, điều chỉnh và ban hành các văn bản pháp quy hướng dẫn chuẩn mực đầy đủ và cụ thể song song với việc ban hành chuẩn mực kế toán cho SMEs. Đồng thời, phải đảm bảo sự thống nhất giữa các văn bản này để thúc đẩy việc áp dụng hiệu quả chuẩn mực trong thực tiễn.

*Thứ tư*, xây dựng chuẩn mực kế toán Việt Nam áp dụng cho SMEs dựa trên IFRS for SMEs làm cơ sở nhưng cũng cần xem xét thêm chuẩn mực kế toán áp dụng cho SMEs của các quốc gia khác, đặc biệt đối với các quốc gia lựa chọn khuynh hướng sử dụng IFRS/IFRS for SMEs để xây dựng chuẩn mực kế toán quốc gia. Mục đích nhằm tìm hiểu sự lựa chọn cách thức áp dụng IFRS for SMEs khi đưa bộ chuẩn mực này vào trong bối cảnh thực tế.

*Thứ năm*, trước mắt là sửa đổi, điều chỉnh IFRS for SMEs cho phù hợp với điều kiện Việt Nam, thu hẹp dần khoảng cách khác biệt giữa VAS áp dụng cho SMEs và chuẩn mực kế toán quốc tế, về lâu dài cần xây dựng kế hoạch, lộ trình để hội tụ hoàn toàn với chuẩn mực kế toán quốc tế, để tiến đến trong tương lai chỉ có một bộ chuẩn mực kế toán duy nhất áp dụng cho SMEs Việt Nam tương đương với IFRS for SMEs.

*Cuối cùng*, cơ sở hạ tầng cũng phải phát triển để hỗ trợ cho quá trình xây dựng và áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính riêng cho SMEs. Đối với vấn đề này cần:

Đẩy mạnh các nghiên cứu về IFRS/IFRS for SMEs;

Tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo phát triển nguồn nhân lực về kế toán về cả phía doanh nghiệp và các tổ chức đào tạo nhằm xây dựng đội ngũ chuyên môn nghề nghiệp có trình độ, có kinh nghiệm và đạo đức nghề nghiệp để có thể áp dụng chuẩn mực hiệu quả;

Phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động của các Tổ chức nghề nghiệp để hướng dẫn, cập nhật chuyên môn và giám sát việc tuân thủ chuẩn mực của những người hành nghề kế toán, kiểm toán;

Hoàn thiện khung pháp lý về kế toán để tạo môi trường thuận lợi cho SMEs phát triển

## 5. KẾT LUẬN

SMEs ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. Do vậy, chất lượng thông tin báo cáo tài chính của bộ phận doanh nghiệp này luôn là vấn đề được quan tâm. Vì thế, chúng tôi cho rằng việc xây dựng chuẩn mực kế toán riêng đáp ứng yêu cầu thông tin của SMEs, phù hợp với thông lệ quốc tế là cần thiết trong giai đoạn hiện nay của Việt Nam. Bài viết đã trình bày những đặc điểm của IFRS for SMEs, kinh nghiệm áp dụng các quan điểm về báo cáo tài chính khác nhau khi xây dựng chuẩn mực kế toán riêng cho SMEs và từ đó đề xuất định hướng xây dựng chuẩn mực báo cáo tài chính cho SMEs trên IFRS for SMEs hiện hành để đảm bảo SMEs có báo cáo tài chính đáng tin cậy, tạo điều kiện thuận lợi cho SMEs khi tham gia vào hoạt động chung trên thị trường Thế giới.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Asean, SME Developments in ASEAN (2013), <http://www.asean.org/communities/asean-economic-community/category/small-and-medium-enterprises>, truy cập ngày 25 tháng 1 năm 2014.
- [2]. Bộ Tài Chính, *Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa*, theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006, Bộ Tài Chính, Hà Nội (2006).
- [3]. Bohusova, H. & Blaskova, V, In what way are countries which have already adopted IFRS for SMEs different (2012), <http://acta.mendelu.cz/pdf/actaun201260020037.pdf>, truy cập ngày 21 tháng 1 năm 2013.
- [4]. Corderly, C. J., Baskerville, R., Small GAAP: a large jump for the IASB, Paper to be presented to the Tenth Annual Conference for financial reporting and Business Communication, Cardiff Business School (2006), <https://ore.exeter.ac.uk/repository/bitstream/handle/10036/15992/SME%20Baskerville%20Corderly%20Small%20GAAP.pdf?sequence=1>, truy cập ngày 20 tháng 3 năm 2012.
- [5]. Ecorys, EU SMEs in 2012: at the crossroads- Annual report on small and medium-sized enterprises in the EU, 2011/12 (2012), [http://ec.europa.eu/enterprise/policies/sme/facts-figures-analysis/performance-review/files/supporting-documents/2012/annual-report\\_en.pdf](http://ec.europa.eu/enterprise/policies/sme/facts-figures-analysis/performance-review/files/supporting-documents/2012/annual-report_en.pdf), truy cập ngày 25 tháng 5 năm 2014.
- [6]. IASB, Discussion paper: Preliminary Views on Accounting Standards for Small and Medium-sized Entities (2004), <http://www.ifrs.org/IFRS-for-SMEs/history/Documents/DPonSMEs.pdf>, truy cập ngày 10 tháng 3 năm 2009.
- [7]. IASB Exposure draft of a proposed IFRS for small and medium-sized entities (2007), <http://www.focusifrs.com/content/view/full/317>, truy cập ngày 12 tháng 7 năm 2010.
- [8]. IASB, International financial reporting standards for small and medium-sized entities (IFRS for SMEs) (2009a), <http://eifrs.iasb.org/eifrs/sme/en/IFRSforSMEs2009.pdf>, truy cập ngày 12 tháng 12 năm 2010.
- [9]. IASB, IFRS for SMEs (2009b), <http://www.ifrs.org/current-projects/iasb-projects/small-and-medium-sized-entities/Pages/small-and-medium-sized-entities.aspx>, truy cập ngày 15 tháng 4 năm 2009.
- [10]. IASplus, IFRS for SMEs: Key dates in the process to get to the final standard (2012), <http://www.iasplus.com/en/standards/ifrs-for-smes>, truy cập ngày 28 tháng 8 năm 2012.
- [11]. Mai Ngọc Anh, *Chuẩn mực kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo thông lệ quốc tế và định hướng vận dụng ở Việt Nam*. Tạp chí Kiểm toán (2011).
- [12]. Mai Thị Thanh Thai, *The Internationalization of Vietnamese Small and Medium-Sized Enterprises*. Dissertation of the University of St. Gallen, Switzerland (2008), [http://verdi.unisg.ch/www/edis.nsf/SysLkpByIdentifier/3485/\\$FILE/dis3485.pdf](http://verdi.unisg.ch/www/edis.nsf/SysLkpByIdentifier/3485/$FILE/dis3485.pdf), truy cập ngày 10 tháng 6 năm 2011.
- [13]. Pacter, P, Will the GAAP widen for SMEs?. Institute of Chartered Accountants in England & Wales, Accountancy (2004).
- [14]. Pacter, P, Presentations about the SMEs- IFRS for SMEs. Meeting of Representatives of the CIS and Baltic States professional bodies and standard setters (2011), <http://www.ifrs.org/IFRS-for-SMEs/Documents/1111CISBalticSMEEnglish.pdf>, truy cập ngày 28 tháng 6 năm 2012.
- [15]. Thủ tướng Chính Phủ, *Chiến lược kế toán- kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, theo Quyết định số 480/2013/QĐ-TTg ngày 18/03/2013, Hà Nội (2013).